

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa khu vực 333 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho *Gói thầu: Mua sắm vật tư y tế sử dụng cho năm 2025-2026* với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa khu vực 333

Địa chỉ: Thôn 1, xã Eakar, Đăk Lăk.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: DS Trần Hậu Quý – Phó - Phụ trách khoa Dược, SĐT 0979078393.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận Văn thư - Bệnh viện Đa khoa khu vực 333, Thôn 1, xã Eakar, Đăk Lăk.

Nhận qua email: bvdkkhuvuc333@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 04 tháng 08 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 15 tháng 08 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 15 tháng 08 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất sinh phẩm y tế gồm 129 khoản như sau:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
1	Băng cuộn y tế	Kích thước: $\geq 9\text{cm} \times 2,5\text{m}$. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton.	500	Cuộn
2	Băng keo cuộn co giãn	Băng thun có keo cố định $\geq 8\text{cm} \times 4,5\text{m}$.	30	Cuộn
3	Băng keo lùa y tế	Kích thước $\geq 1,25\text{cm} \times 9,1\text{m}$. Băng vải lùa Nền keo Acrylate.	4,500	Cuộn
4	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước	$\geq 12\text{mm} \times 55\text{m}$, lớp keo không dính cao su, dính chắc phù hợp với nhiều loại vải bọc, giấy gói, plastic. Lớp nền có thể co giãn, có thể viết được lên trên hoặc dán nhãn bằng nhãn in sẵn.	20	Cuộn

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
5	Băng thun 2 móc	Kích thước 2 móc, $\geq 7,5\text{cm}$ * 3m (trạng thái không kéo).	1,000	Cuộn
6	Bông y tế	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên; 1 kg/gói	300	Kg
7	Gạc meche dẫn lưu	Kích thước $\geq 3,5\text{ cm}$ x 75 cm x 8 lớp Vô trùng (có cân quang).	2,000	Miếng
8	Gạc phẫu thuật ổ bụng	Quy cách kỹ thuật $\geq 30\text{ cm}$ x 40 cm x 8 lớp, vô trùng, có cân quang.	5,000	Miếng
9	Gạc hút nước	Nguyên liệu sợi cotton 100%, hút nước. Khổ 0,8m.	10,000	Mét
10	Bông không hút nước	Không thấm nước; 1 kg/gói	40	Kg
11	Bột bó	Làm từ bột thạch cao liền gạc; Kích thước $\geq 10\text{ cm}$ x 3,5 m. Vô là giấy bạc chống ẩm.	200	Cuộn
12	Bột bó	Làm từ bột thạch cao liền gạc; Kích thước $\geq 15\text{ cm}$ x 4,5 m. Vô là giấy bạc chống ẩm.	800	Cuộn
13	Bơm tiêm 10ml	xy lanh dung tích 10ml, kim các cỡ. Sản phẩm được tiệt trùng.	80,000	Cái
14	Bơm tiêm 50ml	xy lanh dung tích 50ml dùng để tiêm/cho ăn. Sản phẩm được tiệt trùng.	3,000	Cái
15	Bơm tiêm 5ml	xy lanh dung tích 5ml, kim các cỡ. Sản phẩm được tiệt trùng.	200,000	Cái
16	Bơm tiêm 1ml	xy lanh dung tích 1ml, kim các cỡ. Sản phẩm được tiệt trùng.	12,000	Cái
17	Bơm tiêm 20ml	xy lanh dung tích 20ml, kim các cỡ. Sản phẩm được tiệt trùng.	50,000	Cái
18	Dây garo	Sản phẩm làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt, có băng dính 2 đầu, miếng gai bên chắc hoặc có khóa nhựa.	250	Cái
19	Dây hút nhót có kiểm soát	Chất liệu PVC nguyên sinh, độ dài $\geq 500\text{mm}$, các số.	1,600	Sợi
20	Dây nối dài dùng trong truyền dịch, bơm thuốc	Dây nối máy bơm tiêm điện $\geq 140\text{ cm}$. Không có chất phụ gia DEHP	1,500	Cái
21	Dây thở oxy	Dùng để dẫn khí oxy, dây dài $\geq 2\text{m}$, Các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn. Chất liệu nhựa tốt dẻo.	2,000	Bộ
22	Bộ dây truyền dịch sử dụng một lần	Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn dài $\geq 1500\text{mm}$, được làm từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Không có kim cánh bướm.	40,000	Bộ
23	Bộ dây truyền máu	Dây dài 180cm. Có chức năng đuổi khí tự động. Kích thước màng lọc 200 μm . Diện tích màng lọc 11cm ² . Đầu khóa vận xoắn Spin Lock.	500	Cái
24	Kim châm cứu	Các số	200,000	Chiếc

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
25	Kim gây tê, gây mê các loại, các cỡ.	G20, G22, G25, G27	800	Cái
26	Kim laser nội mạch	Được làm từ vật liệu phân tử, mềm dẻo và linh hoạt khi sử dụng.	600	Chiếc
27	Kim lấy thuốc	Kim cấu tạo thép không gỉ, đầu kim vát 3 cạnh sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ.	30,000	Chiếc
28	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Chất liệu FEP –Teflon. Ống silicone. Đầu catheter thon nhọn 2 lần. Giảm thiểu đau khi đặt kim. Kim được cắt vát 3 lần và cắt vát 2 lần. Kim có cánh và có cửa bơm thuốc, thời gian lưu kim đến >72h. Các cỡ	25,000	Chiếc
29	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi (10/0)	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6/6 black, số 10/0, chỉ dài 30cm, 02 kim hình thang 3/8 vòng tròn dài 6mm đầu kim micro, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM F899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicone. Đóng gói trực tiếp 2 lớp.	12	Tép
30	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi (3/0)	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamid 6, USP 3/0, chỉ dài 75cm, kim làm bằng thép không gỉ Austenitic 321 phủ silicone	600	Tép
31	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi (4/0)	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamid 6, USP 4/0, chỉ dài 75cm, kim làm bằng thép không gỉ Austenitic 321 phủ silicone	250	Tép
32	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi (5/0)	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamid 6, USP 5/0, chỉ dài 75cm, kim làm bằng thép không gỉ Austenitic 321 phủ silicone	24	Tép
33	Chỉ không tan đơn sợi Polyamide (Nylon) 2/0	số 2/0, chỉ dài ≥ 75 cm, kim làm bằng thép không gỉ	1,500	Tép
34	Chỉ không tan tự nhiên 2/0, kim tròn	số 2/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm.	36	Tép
35	Chỉ không tan tự nhiên 3/0, kim tròn	số 3/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm.	36	Tép
36	Chỉ tan chậm phẫu thuật tổng hợp đơn sợi Polydioxanone 5/0, 2 kim tròn.	Chỉ phẫu thuật Polydioxanone tan tổng hợp đơn sợi, cỡ chỉ 5/0, dài 75cm, 2 kim tròn dài 13mm.	24	Tép
37	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 1	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, lớp vỏ 50% polyglactin 370 & 50% chất bôi trơn Calcium Stearate, chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn đầu tròn CT, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 40mm, 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày.	2,000	Tép
38	Chỉ tan chậm tự nhiên số 2/0, kim tròn.	2/0, chỉ dài 75cm, kim tròn dài 26mm.	2,000	Tép
39	Chỉ thép số 5 kim tròn	Chỉ thép đơn sợi số 5, 4 sợi x 45 cm, kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 48 mm.	12	Tép

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
40	Chỉ thép 0.7mm	đường kính từ 0.7mm chiều dài 10m/cuộn; chất liệu thép không gỉ.	10	Cuộn
41	Chỉ phẫu thuật tan trung bình tổng hợp đa sợi (2/0)	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt, số 2/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM F899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 38.84N.	300	Tép
42	Chỉ phẫu thuật tan trung bình tổng hợp đa sợi (3/0)	Chỉ tan tổng hợp đa sợi kháng khuẩn Polyglactin 910 số 3/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt ≥ 17 N. Sức căng kéo giảm 40- 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 70 ngày. - Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE (hoặc FDA)	200	Tép
43	Chỉ phẫu thuật tan trung bình tổng hợp đa sợi (4/0)	Chỉ tan tổng hợp đa sợi kháng khuẩn Polyglactin 910 số 4/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17mm, kim làm bằng hợp kim, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon., Lực căng kéo nút thắt ≥ 9 N. Sức căng kéo giảm 40-50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 70 ngày. - Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE (hoặc FDA)	24	Tép
44	Mũi khoan xương đường kính 2.7mm	đường kính từ 2.7mm, chiều dài 150mm. Chất liệu thép không gỉ.	10	Cái
45	Mũi khoan xương 3.5mm	đường kính từ 3.5mm, chiều dài 150mm chất liệu thép không gỉ.	10	Cái
46	Nẹp căng tay	Chất liệu vải dệt kim, có lỗ thoáng khí, băng nhám dính, bản nẹp hợp kim nhôm uốn định hình ở tư thế điều trị.	50	Cái
47	Nẹp chống xoay dài	Làm từ đệm mút, vải có lỗ thoáng khí, có khóa, khuôn nhựa đúc theo tư thế điều trị. Các cỡ	50	Cái
48	Nẹp chống xoay ngắn	Làm từ đệm mút, vải có lỗ thoáng khí, có khóa, khuôn nhựa đúc theo tư thế điều trị. Các cỡ	50	Cái
49	Nẹp cổ cứng	Chất liệu mút, có khóa, thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt.	50	Cái
50	Nẹp cổ tay	Chất liệu neoprene, khóa velcro, thanh nẹp hợp kim nhôm được uốn theo đường cong sinh lý của cổ tay.	20	Cái
51	Nẹp chữ T nhỏ dùng vít 3.5mm	Dây 1,5mm; rộng 11,0mm Có 3/4/5/6/7/8 lỗ	10	Cái
52	Nẹp gối	Làm từ vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, có khóa Velcro và có hệ thống thanh nẹp hợp kim nhôm được phân bố theo tư thế điều trị.	30	Cái
53	Nẹp Iselin	Thanh nẹp được làm bằng hợp kim nhôm, lót bên trong một lớp xốp mềm. Dùng cố định khớp ngón tay ở vị trí chức năng.	20	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
54	Nẹp thân xương cẳng tay	Dày 2,5mm; rộng 9,5mm Có 4/5/6/7/8/9/10/12 lỗ	20	Cái
55	Nẹp thân xương cánh tay	Dày 4,0mm; rộng 12,0mm Có 4/5/6/7/8/9/10/12/14/16 lỗ	10	Cái
56	Nẹp thân xương chày	Dày 4,0mm; rộng 12,0mm Có 4/5/6/7/8/9/10/12/14/16 lỗ	20	Cái
57	Nẹp thân xương đùi	Dày 5,0mm; rộng 16,0mm Có 4/5/6/7/8/9/10/11/12/14/16 lỗ	10	Cái
58	Nẹp xương đòn	Dày 3,0mm; rộng 10,0mm Có 6/7/8/9/10/12 lỗ trái, phải	40	Cái
59	Vít mắt cá chân dk 4.5mm dài các cỡ (từ 30mm- >50mm)	Dài 25-80mm với bước tăng 5mm, ren bán phần	20	Cái
60	Vít vỏ xương 3.5	Dài 10-50mm với bước tăng 2mm; từ 50-60 bước tăng 5mm, ren toàn phần, bước ren 1.25mm	300	Cái
61	Vít vỏ xương 4.5	Dài 14-50mm với bước tăng 2mm; Dài 55- 80mm với bước tăng 5mm; ren toàn phần Đường kính mũ vít: 8,0mm; Đường kính lõi vít: 3,5mm; Đường kính thân ren: 4,5mm	100	Cái
62	Vít xương xóp 4.0mm	Dài 25-80mm với bước tăng 5mm, ren bán phần Đường kính mũ vít: 8,0mm; Đường kính lõi vít: 3,5mm; Đường kính thân ren: 4,5mm	20	Cái
63	Vít xương xóp 4.5mm	Dài 25-80mm với bước tăng 5mm, ren bán phần Đường kính mũ vít: 8,0mm; Đường kính lõi vít: 3,5mm; Đường kính thân ren: 4,5mm	25	Cái
64	Đinh nội tủy xương chày rỗng nông	Đường kính 8/9/10mm Dài 255/270/285/300/315/330/345/360/375mm	8	Cái
65	Đinh nội tủy xương đùi rỗng nông	Đường kính: 9/10/11mm Dài 36/38 cm	8	Cái
66	Đinh Kirschner đầu có ren	Đinh Kirschner 2 đầu có ren, chất liệu thép không gỉ, đường kính 1.0-3.5mm, dài 100- 400mm	20	Cái
67	Nẹp cổ mềm	Chất liệu cotton ôm khít với các lỗ thoáng khí	50	Cái
68	Nẹp cánh cẳng bàn tay	Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, khóa velcro, nẹp hợp kim nhôm.	50	Cái
69	Đai cố định khớp vai (Đai desault)	Vải cotton, vải không dệt, có lỗ thoáng khí, có khóa Velcro. Có các cỡ, trái-phải.	50	Cái
70	Đai thắt lưng cao cấp	4 thanh nẹp đàn hồi được uốn theo đường cong cơ thể và vải thun lưới. Có hai dây chun ở hai bên có tác dụng bó chặt vào vùng thắt lưng bằng khóa Velcro (băng nhám đính)	40	Cái
71	Đai xương đòn	Chất liệu vải cotton, mút xốp, khóa Velcro, các số.	50	Cái
72	Đinh Kirschner hai đầu nhọn	Đường kính: 1.0/1.2/1.5/1.8/2.0/2.5/3.0mm Chiều dài: 310mm	100	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
73	Túi treo tay	Làm từ vải cotton mềm, hệ thống khóa Velcro. Sử dụng trong các trường hợp gãy xương, chấn thương khớp vai, cánh tay, cẳng tay	30	Cái
74	Găng tay phẫu thuật tiết trùng dùng trong sản khoa	Chiều dài (min): 490 mm. Sản xuất từ cao su thiên nhiên, tiết trùng, có phủ bột.	50	Đôi
75	Găng tay kiểm tra	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, chưa tiết trùng, thuận cả 2 tay. Có nhiều cỡ.	80,000	Đôi
76	Găng tay PT tiết trùng	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, tiết trùng. Các số (6,5; 7; 7,5; 8)	30,000	Đôi
77	Khóa ba chia có dây dài 10cm	Khóa ba chia gắn với dây mở rộng dài 10cm	250	Sợi
78	Khóa ba chia có dây dài 25cm	Khóa ba chia gắn với dây mở rộng dài 25cm	500	Sợi
79	Ống thông dạ dày	các số 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18	200	Chiếc
80	Ống dẫn lưu màng phổi	Số 28. Chất liệu PVC dài gắn với đầu nối được đưa qua thành ngực và vào khoang màng phổi hoặc trung thất.	50	Cái
81	Ống nội khí quản có bóng đè các số	Số 2.5, 3, 3.5, 4, 4.5, 5, 5.5, 6, 6.5, 7, 7.5, 8	1,200	Cái
82	Ống Sonde Blakemore- (Sond Thực quản)	Ống silicone cầm máu thực quản dạ dày: 03 nhánh có 02 bóng chèn, van cho bóng chèn thực quản, van cho bóng chèn dạ dày, bóng Pilot, Stylet dẫn đường làm bằng thép không gỉ, trên ống có vạch đánh dấu độ sâu từ 25cm đến 50cm	20	Cái
83	Ống thông tiểu 2 nhánh các số	Số 16,18,20, 30	1,200	Sợi
84	Ống thông tiểu 1 nhánh các số	các số 8, 10, 12, 14, 16, 18	100	Sợi
85	Dây dẫn lưu nước tiểu (Sonde Pezzer)	các số	150	Cái
86	Thông hậu môn (Rectal)	dây cân quang nằm dọc thân ống. các số 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30	10	Cái
87	Phin lọc vi khuẩn các loại, các cỡ	Phin lọc 3 chức năng HMEF Lọc khuẩn, làm ẩm và làm ấm, khả năng lọc khuẩn 99,97%, lọc Vi rút 99,66%.	300	Cái
88	Sonde JJ	Vô trùng, kích thước 6Fr, 7Fr	10	Cái
89	Ống thông (catheter) các loại, các cỡ	Catheter bằng chất liệu polyurethan. Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn. Có dây điện cực để đo ECG, xác định vị trí đặt catheter	15	Cái
90	Bộ dây máy thở	Bộ dây máy thở (Người lớn, Trẻ Em) Dùng để dẫn khí thở từ máy thở, máy gây mê tới bệnh nhân, sử dụng cho bệnh nhân thông khí nhân tạo.	6	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
		Tương thích với máy Elisa 300 hoặc máy Vyaire		
91	Mặt nạ xông khí dung	Có bộ khí dung. Dây dẫn có chiều dài $\geq 2m$, có khóa đảm bảo khí oxy được tuần hoàn. Size S, M, L, XL	1,500	Cái
92	Mặt nạ thở oxy (không túi)	Có kẹp mũi điều chỉnh, dây đeo đàn hồi, ống nối 2m. Các cỡ	150	Cái
93	Mặt nạ thanh quản	Các cỡ	30	Cái
94	Mặt nạ thở oxy (có túi)	Túi hơi dùng để dự trữ oxy, có kẹp mũi điều chỉnh, dây đeo đàn hồi. Các cỡ	100	Cái
95	Ống thông tiểu folley 3 nhánh	Thông (sonde) Foley 3 nhánh. Đủ các cỡ. Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon. Có bóng chèn cố định.	20	Cái
96	Mask thở máy không xâm nhập	Sử dụng tương thích với máy thở Elysa 300	6	Cái
97	Cathete tĩnh mạch trung tâm 2 đường truyền	Kích thước 7F – 20cm	2	Cái
98	Giấy ghi kết quả đo điện tim 3 cân	58mm x 25m	50	Cuộn
99	Giấy điện tim 6 cân	110mm x 140mm x 200sh	300	Xấp
100	Giấy in nhiệt	57mm x $\geq 20m$	100	Cuộn
101	Giấy monitor sản khoa	112mm x 90mm x 150sh	70	Xấp
102	Giấy in siêu âm	Kích cỡ: 110mm x 20m	20	Cuộn
103	Lam kính 7102, Lam tròn	Độ dày 1.0mm đến 1.2mm; kích thước 25.4 x 76,2mm, chất liệu kính. Loại tròn	20	Hộp
104	Lam kính 7105, Lam nhám	Độ dày 1.0mm đến 1.2mm; kích thước 25.4 x 76,2mm, chất liệu kính. Loại nhám	20	Hộp
105	Lọ nhựa có nắp đựng mẫu nước tiểu	55ml, có nhãn	500	Lọ
106	Que lấy mẫu bệnh phẩm	Thaan que bằng gỗ, đầu que có gòn, que được tiệt trùng	500	Cái
107	Lamen xét nghiệm	22mm*22mm	1,000	Cái
108	Que tăm bông vô khuẩn	Dùng lấy mẫu dịch âm đạo, cổ tử cung	500	Cái
109	Đầu côn vàng	200ul	35,000	Cái
110	Đầu côn xanh	1000ul	3,000	Cái
111	Túi đo lượng máu sau sinh	Dung tích 2000ml. Chất liệu: màng nhựa PE trong. Kích thước: 1.050mm x 700mm. Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng. Tiệt trùng bằng khí OE	1,200	Cái
112	Túi đựng bệnh phẩm các cỡ	Các cỡ	100	Túi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
113	Túi máu đơn 250ML	Thể tích 250ml, có chứa 35ml chất chống đông CPDA-1, bảo quản máu toàn phần trong 35 ngày.	100	Túi
114	Túi đựng nước tiểu	Túi 02 lít, có khóa, có dây đeo	1,500	Cái
115	Clip kẹp mạch máu	Chất liệu Titanium. Các cỡ	200	Cuộn
116	Que đè lưỡi gỗ	Kích thước 150mm x 20mm x 2 mm. Đã tiệt trùng.	5,000	Cái
117	Miếng dán điện cực, điện cực dán, đệm điện cực các loại, các cỡ.	Chất liệu PE-foam, độ bám dính cao, không để lại chất kết dính, tương thích hầu hết với các loại cáp kết nối.	500	Cái
118	Gel điện tim	Chai ≥ 250 ml	30	Chai
119	Gel bôi trơn dùng trong nội soi	Tuýp ≥ 82 g.	100	Tuýp
120	Gel siêu âm	≥ 5 kg.	30	Bình/ can
121	Kẹp rốn	Tiệt trùng. Không chứa độc tố DEHP; 1 cái/gói	1,500	Chiếc
122	Khẩu trang y tế	3 lớp, (2 lớp ngoài vải không dệt, lớp giữa là giấy lọc), có gọng.	60,000	Cái
123	Vòng đeo tay bệnh nhân	Có nút bấm. Các cỡ, có 3 màu: Xanh, Hồng và đỏ	1,000	Cái
124	Dao mổ	Chất liệu thép Carbon, lưỡi dao tiệt trùng. Các số (từ 10 đến 21)	2,000	Cái
125	Ống chống cản lưỡi (Airway)	Duy trì đường thở không bị cản trở trong quá trình gây mê; Làm từ Polyethylene không độc hại; Số 1, 2, 3, 4.	400	Cái
126	Bao Camera nội soi	Chất liệu màng nhựa PE, có vòng thun. Kích thước: 150 mm x 235cm. Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng.	1,000	Cái
127	Bộ súc rửa dạ dày	Làm bằng cao su, Size lớn, nhỏ	40	Bộ
128	Lưới điều trị thoát vị	Mảnh ghép Polypropylene $\geq 7,5 \times 15$ cm.	25	Miếng
129	Dụng cụ phẫu thuật trĩ bằng phương pháp Longo	Đường kính ngoài: ≥ 32 mm; Số lượng ghim dập: ≥ 32 ghim; Số lượng vòng ghim: ≥ 2 ; Chiều cao của ghim: 3.8mm; Chiều rộng của ghim (Đỉnh): ≥ 3.8 mm; Chiều cao ghim sau khi bấm: 0.75 - 1.5mm; Độ dày mô yêu cầu: 1.5mm; Đường kính của ghim: < 0.28 mm; Chất liệu ghim bằng Titanium	20	Cái
Tổng cộng 129 khoản				

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Khoa Dược, Bệnh viện Đa khoa khu vực 333, Thôn 1, xã, Đắk Lắk.
3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý IV/2025.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không áp dụng.
5. Các thông tin khác (nếu có).

Lưu:

- Như trên;
- VT, KD, TCKT.



Nguyễn Thị Kim Thành